

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 26-4-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Tấn

2. Bà Phạm Thị Kim Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H – chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng Sơn – Giám đốc chi nhánh An Giang (theo QĐ ủy quyền số 57/2021/QĐUQ-CTHĐQT ngày 02/8/2021)

Ông Lê Hồng S ủy quyền lại cho ông Trần Quyết T, chuyên viên xử lý nợ (theo giấy ủy quyền số 20/2022/UQ-... ngày 28/3/2022); Địa chỉ: phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Lê Đức T, sinh năm: 1986 (vắng mặt);

Châu Thị Ánh H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2021, đại diện nguyên đơn ông Liêu Tuấn Đ trình bày: Ngân hàng TMCP Q – chi nhánh An Giang và ông Lê Đức T, bà Châu Thị Ánh H có ký kết hợp đồng tín dụng số 102/19/HĐCV-9381 ngày 26/6/2019 với nội dung Ngân hàng TMCP Q cho ông T và bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian vay 24 tháng (từ ngày 26/6/2019 đến 26/6/2021), lãi suất cho vay 15%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ vốn và lãi với số tiền cố định hàng tháng, hình thức vay tín chấp không đảm bảo bằng tài sản. Quá trình thực hiện hợp đồng từ khi giải ngân ngày 26/6/2019 đến ngày 25/9/2020 ông T và bà H thanh toán được số tiền gốc là 61.402.949 đồng và lãi là 17.528.000 đồng, sau kỳ thanh toán ngày 25/10/2020 ông T và bà H vi phạm hợp đồng, không tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ. Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông T và bà H thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/3/2021 là 48.742.556 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trên nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

* Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 05/5/2021 bị đơn ông Lê Đức T trình bày: ông xác nhận ông và vợ là Châu Thị Ánh H có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP Q để vay số tiền 100.000.000 đồng làm vốn kinh doanh cửa hàng dịch vụ internet, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất thỏa thuận là 15%/năm, định kỳ hàng tháng ông bà trả vốn và lãi khoảng 5.500.000 đồng, hình thức vay tín chấp. Sau khi giải ngân ông bà thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng, vốn và lãi trả hàng tháng vào đúng kỳ thanh toán tuy nhiên do xảy ra dịch bệnh, cửa hàng của ông bà phải đóng cửa nên ông bà không có khả năng tiếp tục thanh toán và vi phạm hợp đồng, ông không biết còn nợ Ngân hàng TMCP Q bao nhiêu tiền nhưng ông thống nhất số tiền mà ngân hàng yêu cầu. Trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng ông đồng ý trả nợ nhưng xin được gia hạn thời gian trả nợ, mỗi tháng trả số tiền 5.500.000 đồng cho đến khi hết nợ với điều kiện cửa hàng của ông được hoạt động bình thường.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Châu Thị Ánh H nhưng bà Ánh H đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn ông Trần Quyết T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lê Đức T và bà Châu Thị Ánh H trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền vốn gốc là 38.597.051 đồng và lãi tính đến ngày 26/4/2022 là 25.136.211 đồng, bao gồm lãi trong hạn là 12.513.096 đồng, lãi quá hạn là 12.623.115 đồng, tiếp tục tính lãi theo hợp đồng 102/2019/HĐCV-9381 đối với nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Bị đơn ông Lê Đức T và bà Châu Thị Ánh H vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền vốn gốc 38.597.051 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q và ông Lê Đức T, bà Châu Thị Ánh H được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: căn cứ sổ hộ khẩu số 010240548 cấp ngày 08/11/2011 xác định ông Lê Đức T và bà Châu Thị Ánh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Ông Lê Đức T và bà Châu Thị Ánh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về nghĩa vụ trả tiền: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ là bản sao y hợp đồng cho vay kiêm kế ước nhận nợ số 102/19/HĐCV-9381 giữa Ngân hàng TMCP Q có chữ ký của đại diện ngân hàng là ông Nguyễn Phạm Tiến Dũng với ông Lê Đức T, bà Châu Thị Ánh H đã xác định được ông Lê Đức T và bà Châu Thị Ánh H có vay của Ngân hàng TMCP Q số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ là trả vốn gốc và lãi hàng tháng. Sự thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Lê Đức T, bà Châu Thị Ánh H là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận không trái đạo đức, pháp luật nên được xem là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh

chấp. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà H thanh toán được số tiền vốn gốc là 61.402.949 đồng và tiền lãi là 17.528.000 đồng thì ngưng, không tiếp tục thanh toán số nợ còn lại nên đã vi phạm thỏa thuận, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông T và bà H phải trả số nợ gốc còn 38.597.051 đồng là phù hợp nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, buộc ông T và bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ là 38.597.051 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn không trăm năm mươi một đồng).

Đối với ý kiến của ông Lê Đức T yêu cầu được trả nợ dài hạn, định kỳ trả số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng) với điều kiện cửa hàng dịch vụ internet của ông hoạt động ổn định, yêu cầu này không được Ngân hàng TMCP Q chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy việc vi phạm nghĩa vụ của ông T bà H làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng TMCP Q, ông T bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ nên được xem là vi phạm toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng nên ngân hàng TMCP có quyền yêu cầu ông T bà H trả toàn bộ số tiền còn lại một lần. Bên cạnh đó việc ông T có ý kiến xin trả nợ theo định kỳ thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự nên sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án.

2.2 Về lãi suất:

Căn cứ hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 102/19/HĐCV-9381 ngày 26/6/2019 giữa Ngân hàng TMCP Q và ông T, bà H xác định lãi suất thỏa thuận là 15%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, ngoài ra các bên còn thỏa thuận về lãi chậm trả lãi đối với số tiền lãi còn nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T bà H thực hiện trả vốn và lãi đến ngày 25/8/2020 vi phạm hợp đồng, nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận từ tháng 9 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/4/2022 với số tiền 25.136.211 đồng, bao gồm lãi trong hạn là 12.513.096 đồng, lãi quá hạn là 12.623.115 đồng, đồng thời tiếp tục tính lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi thỏa thuận từ ngày xét xử đến khi ông T bà H thanh toán xong toàn bộ số nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 3.186.600 đồng (ba triệu một trăm tám mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 463, khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc ông Lê Đức T và bà Châu Thị Ánh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền vốn gốc là 38.597.051 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn không trăm năm mươi một đồng) và tiền lãi là 25.136.211 đồng hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm mười một đồng), bao gồm lãi trong hạn là 12.513.096 đồng (mười hai triệu năm trăm mười ba ngàn không trăm chín mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 12.623.115 đồng (mười hai triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn một trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 102/19/HĐCV-9381 ngày 26/6/2019.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng TMCP Q được nhận lại số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007323 ngày 09/4/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Ông Lê Đức T và bà Châu Thị Ánh H phải chịu 3.186.600 đồng (ba triệu một trăm tám mươi sáu ngàn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo:* Ngân hàng TMCP Q, ông Trần Quyết T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/4/2022), ông Lê Đức T và Châu Thị Ánh H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Phúc